**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC: 2020-2021**

**MÔN: TIẾNG ANH 8 (4 KỸ NĂNG) CHƯƠNG TRÌNH 7 NĂM**

**THỜI GIAN LÀM BÀI VIẾT: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Topic** | **Sentence** | **Degree** | **Content** | **Note** |
| **A. Listening (2ms)**  I. Listening to the conversation within 80-120 words and fill in the gaps (4 sentences)  II. Listening to a recording within 80-120 words to get the detailed information (4 sentences) | 1  2  3  4  5  6  7  8 | 2  2  2  2  1  1  1  1 | Nghe và nhận biết danh từ.  Nghe và nhận biết tính từ.  Nghe và nhận biết danh từ.  Nghe và nhận biết động từ.  Nghe nhận biết loại rác được tái chế.  Nghe nhận biết về nơi để phân xanh..  Nghe nhận biết cách ủ phân xanh  Nghe thông hiểu về thời gian. |  |
| **B. Language Component (2ms)**  I. Phonetics: (2 sentences)  II. Voc & Grammar: (6 sentences) | 9  10  11  12  13  14  15  16 | 1  1  1  2  1  2  1  1 | Phân biệt âm : /e/, /i: /  Phân biệt âm : /aɪ /, / ɪ /  Cách dùng Tính từ + to Verb  Cách dùng in order not to  Từ vựng chỉ về các phế phẩm có thể tái chế  Cách dùng quá khứ phân từ  Cách đáp lại lời đề nghị  Cách dùng bị động thì tương lai đơn |  |
| **C.Reading: (2ms)**  I. Fill in the gaps with the given words in the box: (6 sentences)    II. Read and answer the questions  (2 sentences) | 17  18  19  20  21  22  23  24 | 1  1  1  1  1  1  2  2 | Nhận biết và chọn từ trong khung điền vào chỗ trống cho thích hợp.  Hiểu và trả lời theo nội dung bài đọc |  |
| **D. Writing: (2ms)**  I. Make question for the underlined words ( 2 sentences)    II. Rearrange words to make sentences  (2 sentences)  II. Rewrite the sentences as directed  (2 sentences) | 25  26  27  28  29  30 | 3  3  3  3  3  4 | Vận dụng thì tương lai đơn để đặt câu hỏi cho phần gạch chân .  Vận dụng thì quá khứ tiếp diễn để viết câu hỏi cho phần gạch chân.  Vận dụng danh từ kép để sắp xếp từ cho sẵn thành câu.  Vận dụng cách dùng *so as to* để sắp xếp từ cho sẵn thành câu.  Vận dụng hình thức bị động thì tương lai đơn.  Vận dụng thì quá khứ đơn để viết sang thì hiện tại hoàn thành |  |
| **E. Speaking: (2ms)**  I. Introduction: (2 sentences)  II. Interview (2 sentences)  III. Role play (4 sentences) | 31  32  33  34  35  36  37  38 | 1  1  1  1  2  2  3  3 | Thông tin cá nhân dạng Yes/ No  Thông tin cá nhân dạng trả lời câu đầy đủ.  Các chủ đề về: First-aid/ Recycling/ Traveling/ Healthy environment/ Holidays and vacations/  Festivals/  Tùy theo nội dung tranh và từ gợi ý 2 HS đặt câu hỏi và trả lời phù hợp. (Mỗi em đặt 2 câu hỏi)  (Chủ đề từ unit 9 đến unit 13) |  |

**Nội dung ôn tập: Từ Unit 9 đến Unit 13**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC: 2020-2021**

**MÔN: TIẾNG ANH 8 (2 KỸ NĂNG) CHƯƠNG TRÌNH 7 NĂM– THỜI GIAN LÀM BÀI VIẾT: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Topic** | **Sentence** | **Degree** | **Content** | **Note** |
| **A.Language Component (3.5ms)**  I. Phonetics (4 sents)  II. Voc & Grammar (10 sents) | 1  2  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12  13  14 | 1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1 | Phân biệt âm : /e/, /i: /  Phân biệt âm : /aɪ /, / ɪ /  Phân biệt âm nhấn trong từ có 3 âm tiết  Phân biệt âm nhấn trong từ có 2 âm tiết  Cách dùng câu *Would you mind if …*  Cách dùng Tính từ + to Verb  Từ vựng về vật dụng trong bệnh viện  Cách dùng in order not to  Từ vựng chỉ về các phế phẩm có thể tái chế  Cách dùng quá khứ phân từ  Cách đáp lại lời đề nghị  Cách dùng bị động thì tương lai đơn  Cách dùng always trong thì hiện tại tiếp diễn  Cách dung thì quá khứ tiếp diễn |  |
| **B.Reading: (3.5ms)**  I. Fill in the gaps with the given words in the box: (6 sents)    II. Read and answer the questions  (4 sents) | 15  16  17  18  19  20  21  22  23  24 | 1  1  1  1  1  1  2  2  2  2 | Nhận biết và chọn từ trong khung điền vào chỗ trống cho thích hợp.  Hiểu và trả lời theo nội dung bài đọc |  |
| **C. Writing: (3.0ms)**  I. Make question for the underlined words ( 2 sents)    II. Rearrange words to make sentences  (2 sent)  III. Rewrite the sentences as directed (3 sents) | 25  26  27  28  29  30  31 | 3  3  2  2  2  2  4 | Vận dụng thì tương lai đơn để đặt câu hỏi cho phần gạch chân .  Vận dụng thì quá khứ tiếp diễn để viết câu hỏi cho phần gạch chân.  Vận dụng danh từ kép để sắp xếp từ cho sẵn thành câu.  Vận dụng cách dùng *so as to* để sắp xếp từ cho sẵn thành câu.  Vận dụng hình thức bị động thì tương lai đơn.  Vận dụng câu đề nghị để viết lại câu  Vận dụng thì quá khứ đơn để viết sang thì hiện tại hoàn thành |  |

**Nội dung ôn tập: Từ Unit 9 đến Unit 13**